

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/DS-ST

Ngày: 19-8-2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Pên tòa: Bà Trần Thị Thu Tr

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam

2. Bà Đoàn Lệ Hồng

- Thư ký Pên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thẩm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia Pên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn Pên tòa số: 197/2022/QĐST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Văn P**, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Ấp L, xã K, huyện N, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn P: Chị Nguyễn Thị Hồng S, sinh năm 1997, địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện N, tỉnh B (Văn bản ủy quyền ngày 16/5/2022).

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thùy Tr**, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện N, tỉnh B.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Phạm Văn B**, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện N, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thùy Tr và ông Phạm Văn B: Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1988, địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện G, tỉnh B (Văn bản ủy quyền ngày 09/8/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Phạm Văn P, bản tự khai và tại Pên tòa chi Nguyễn Thị Hồng S trình bày:

Từ năm 2014 ông P có bán thức ăn chăn nuôi heo cho vợ chồng bà Tr và ông B, do bà Tr đại diện thỏa thuận việc mua bán thức ăn. Hai bên hợp đồng B lời nói, không lập thành văn bản, thỏa thuận hình thức thanh toán khi heo xuất chuồng thì thanh toán tất tiền thức ăn, thông thường thì khoảng 04 tháng heo xuất chuồng. Việc giao nhận thức ăn được ghi vào hai quyển sổ, mỗi bên giữ một quyển để theo dõi, đối chiếu; khi giao thức ăn thì cả hai vợ chồng bà Tr nhận. Trong thời gian mua bán thì vợ chồng bà Tr nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thức ăn. Ngày 15/10/2021 chốt nợ thì vợ chồng bà Tr còn nợ ông P số tiền thức ăn là 214.333.000 đồng và hứa sẽ thanh toán tất nợ cho ông P vào cuối tháng 10/2021 nhưng đến ngày 24/11/2021 thì vợ chồng bà Tr chỉ thanh toán cho ông P số tiền là 1.000.000 đồng sau đó không thanh toán nữa mặc dù ông P đã nhiều lần liên hệ thu hồi nợ. Ngày 16/12/2021 ông P gửi đơn yêu cầu Ban hòa giải ấp Phước Hảo giải quyết buộc vợ chồng bà Tr trả cho ông P số tiền thức ăn chăn nuôi còn nợ là 213.333.000 đồng, tại buổi hòa giải thì bà Tr thừa nhận còn nợ ông P số tiền thức ăn là 213.333.000 đồng nhưng bà Tr xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, ông P không đồng ý nên hòa giải không thành. Hiện vợ chồng bà Tr còn nợ ông P số tiền thức ăn là 213.333.000 đồng. Nay ông P khởi kiện yêu cầu bà Tr và ông B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông P số tiền nợ thức ăn gốc là 213.333.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 16/12/2021 đến ngày 16/8/2022 theo mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền là 14.165.000 đồng, tổng cộng là 227.498.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2022 bà Nguyễn Thị Thùy Tr trình bày:

Bà Tr có mua thức ăn chăn nuôi heo của ông P về để chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình, do bà Tr là người trực tiếp thỏa thuận việc mua bán với ông P. Hai bên thỏa thuận B lời nói, không có làm hợp đồng B văn bản, nội dung thỏa thuận phía ông P giao thức ăn chăn nuôi cho bà Tr, khi nào heo xuất chuồng thì thanh toán tất tiền thức ăn cho ông P, thông thường khoảng 04 tháng heo xuất chuồng. Việc giao nhận thức ăn được ghi nhận vào 02 quyển sổ mỗi bên giữ một quyển để theo dõi, đối chiếu. Khi heo xuất chuồng, bà Tr có thanh toán tiền thức ăn cho ông P như thỏa thuận; năm 2015 do heo bị dịch bệnh, việc chăn nuôi bị thua lỗ nên không thanh toán tiền thức ăn đầy đủ cho ông P như đã thỏa thuận. Cuối năm 2015 thì ông P ngưng không giao thức ăn cho bà Tr nữa, đến giữa năm 2016 hai bên chốt nợ thống nhất bà Tr còn nợ ông P số tiền 306.333.000 đồng. Sau khi chốt nợ thì bà Tr có trả tiền cho ông P nhiều lần, tính đến ngày 15/10/2021 thì bà Tr đã trả cho P tổng cộng là 92.000.000 đồng. Ngày 15/10/2021 hai bên tổng kết nợ lần nữa và thống nhất bà Tr còn nợ ông P số tiền thức ăn là 214.333.000 đồng, đến ngày 24/11/2021 thì bà Tr trả cho ông P số tiền là 1.000.000 đồng sau đó thì không thanh toán được nữa. Sau đó ông P gửi đơn yêu cầu Ban hòa giải ấp Phước Hảo giải quyết, ông P yêu cầu vợ

chồng bà Tr trả cho ông P số tiền thức ăn chăn nuôi còn nợ là 213.333.000 đồng, tại buổi hòa giải thì Tr cũng thừa nhận còn nợ ông P số tiền thức ăn là 213.333.000 đồng nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, ông P không đồng ý nên buổi hòa giải không thành. Việc bà Tr chăn nuôi heo thì chồng bà là ông Phạm Văn B có biết nhưng không phụ giúp gì nhiều. Bà Tr đồng ý cùng ông B liên đới nghĩa vụ trả cho ông P số tiền nợ thức ăn gốc là 213.333.000 đồng, xin trả dần mỗi năm 20.000.000 đồng cho đến khi tất nợ, xin không trả lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2022 ông Phạm Văn B trình bày:

Ông B không có liên quan gì đến việc mua bán thức ăn giữa ông P với bà Tr, ông B chỉ nghe bà Tr nói là ông P đồng ý bán thức ăn cho bà Tr, bao heo ra chuồng thì thanh toán tất tiền. Bà Tr là người trực tiếp thỏa thuận việc mua bán, giao nhận thức ăn, theo dõi sổ sách và trả tiền thức ăn cho ông B và bà Tr tự chăn nuôi một mình chỉ khi nào bà Tr về nhà ngoại hoặc đi công việc thì ông B cho heo ăn dùm bà Tr, ông B không có trực tiếp chăn nuôi cùng bà Tr nên không biết gì về khoản nợ mà ông P yêu cầu, chỉ biết sau khi ông P cắt không giao thức ăn nữa thì bà Tr phải mua thức ăn ở nơi khác, sau khi chót nợ thì bà Tr có nói cho ông B biết là trả dần tiền thức ăn cho ông P mỗi lần 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng cho đến khi tất nợ, ông chỉ biết bà Tr còn nợ tiền thức ăn của ông P nhưng số tiền cụ thể là bao nhiêu thì ông không biết do bà Tr không có nói. Ông B xác định không có giao dịch gì với ông P nên không đồng ý liên đới nghĩa vụ cùng bà Tr trả cho ông P số tiền thức ăn là 213.333.000 đồng và tiền lãi.

Tại Pên tòa anh Nguyễn Hoàng Luân là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị Thùy Tr và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn B trình bày:

Bà Tr đồng ý trả số tiền nợ thức ăn chăn nuôi gốc là 213.333.000 đồng và tiền lãi là 14.165.000 đồng cho ông P. Bà Tr và ông B là vợ chồng hợp pháp, nhưng việc bà Tr mua thức ăn chăn nuôi của ông P thì ông B không có liên quan, do bà Tr tự thỏa thuận, giao dịch với ông P và tự chăn nuôi, lợi nhuận thì bà Tr lo cho sinh hoạt cá nhân của bà Tr; ông B chăn nuôi riêng, có thu nhập riêng, tự lo cho bản thân. Do đó, ông B không đồng ý liên đới cùng bà Tr trả tiền nợ thức ăn cho ông P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký Pên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Thùy Tr và ông Phạm Văn B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Văn P số tiền

nợ gốc là 213.333.000 đồng và tiền lãi là 14.165.000 đồng, tổng cộng là 227.498.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Pên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện của ông Phạm Văn P xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Nguyễn Thị Thùy Tr có địa chỉ nơi cư trú tại xã B, huyện N, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh B thụ lý đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ mua bán tài sản:

Xét yêu cầu, ý kiến của các đương sự cho thấy giữa ông P và bà Tr có giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi; ông P và bà Tr đã thống nhất xác nhận số tiền thức ăn chăn nuôi hiện bà Tr còn nợ ông P là 213.333.000 đồng và bà Tr cũng đồng ý trả số tiền nợ này cho ông P. Đây được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ đó, có cơ sở xác định: Bà Tr còn nợ ông P số tiền thức ăn chăn nuôi là 213.333.000 đồng. Do đó, ông P khởi kiện yêu cầu bà Tr có nghĩa vụ trả cho ông P số tiền thức ăn chăn nuôi là 213.333.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn:

Bà Tr có lời trình bày vào ngày 15/10/2021 chót nợ hai bên thống nhất bà Tr còn nợ ông P số tiền thức ăn chăn nuôi là 214.333.000 đồng, ngày 24/11/2021 bà Tr trả được 1.000.000 đồng còn nợ lại số tiền 213.333.000 đồng đến nay chưa trả được. Xét thấy, việc mua bán thức ăn chăn nuôi giữa ông P với bà Tr có thỏa thuận thời hạn thanh toán tiền là khi bà Tr bán heo, bà Tr cũng thừa nhận do chăn nuôi thua lỗ nên mới không trả đủ tiền cho ông P. Từ đó cho thấy, số nợ 213.333.000 đồng đã đến hạn trả nợ nhưng đến nay bà Tr vẫn chưa trả được số nợ này nên việc ông P yêu cầu bà Tr phải trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền kể từ ngày 16/12/2021 là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015. Việc mua bán thức ăn chăn nuôi giữa ông P với bà Tr không có thỏa thuận về trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ nên theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bà Tr phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất

là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng và tại Pên tòa phía bà Tr cũng đồng ý trả lãi theo yêu cầu của ông P nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, cụ thể: tiền lãi từ ngày 16/12/2021 đến ngày 16/8/2022 như sau: 213.333.000 đồng x 0,83%/tháng x 08 tháng = 14.165.000 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông B có nghĩa vụ liên đới cùng bà Tr trả số tiền nợ thức ăn chăn nuôi và tiền lãi:

Ông B cho rằng việc thỏa thuận mua bán, giao nhận mua thức ăn chăn nuôi, tổng kết tiền nợ thức ăn với ông P là do bà Tr trực tiếp thực hiện và bà Tr tự chăn nuôi riêng, ông B không trực tiếp chăn nuôi cùng bà Tr, cũng không có sử dụng lợi nhuận từ việc chăn nuôi của bà Tr nên xác định không có liên quan gì đến khoản tiền nợ thức ăn mà bà Tr còn nợ anh P nên không đồng ý liên đới nghĩa vụ cùng bà Tr trả tiền thức ăn cho ông P. Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Tr và ông B thừa nhận là vợ chồng hợp pháp; bà Tr chăn nuôi tại nhà của vợ chồng, thỉnh thoảng khi bà Tr có việc ra ngoài thì ông B có cho heo ăn dùm bà Tr, từ đó cho thấy ông B có biết việc bà Tr mua thức ăn của ông P để chăn nuôi nhưng không phản đối. Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2022 bà Tr xác định chăn nuôi để phát triển kinh tế gia đình, lo cho sinh hoạt gia đình; tại biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2022 ông B cũng xác định việc bà Tr chăn nuôi có lợi nhuận thì chi trả cho sinh hoạt gia đình, ông B cũng có chi trả và sinh hoạt gia đình cùng bà Tr. Do đó, việc ông B cho rằng ông không biết, không có liên quan gì đến việc mua bán thức ăn chăn nuôi giữa bà Tr và ông P là không có cơ sở, cần buộc trách nhiệm liên đới giữa ông B và bà Tr đối với số nợ gốc 213.333.000 đồng và tiền lãi phải trả cho ông P theo quy định tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về thời hạn trả nợ: Bà Tr yêu cầu được trả dần số tiền nợ theo phương thức mỗi năm trả 20.000.000 đồng cho đến khi tắt nợ nhưng không được ông P đồng ý. Bà Tr cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh giữa hai bên có thỏa thuận việc bà Tr được trả dần số nợ hàng năm hay trả nợ thành nhiều lần. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của bà Tr.

[2.5] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Tr và ông B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông P số tiền thức ăn chăn nuôi gốc còn nợ là 213.333.000 đồng và tiền lãi là 14.165.000 đồng, tổng cộng là 227.498.000 đồng.

[3] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bến Tre tại Pên tòa là phù hợp với các nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.375.000 đồng, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, 440, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn P, cụ thể:

1. Buộc bà Lê Thị Thùy Tr và ông Phạm Văn B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Văn P số tiền thức ăn chăn nuôi gốc là 213.333.000 đồng (Hai trăm mười ba triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng) và tiền lãi là 14.165.000 đồng (Mười bốn triệu một trăm sáu mươi lăm ngàn đồng), tổng cộng là 227.498.000 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi tám ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Bà Lê Thị Thùy Tr và ông Phạm Văn B có nghĩa vụ liên chịu số tiền án phí là 11.375.000 đồng (Mười một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 5.466.000 đồng (năm triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0005801 ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh B cho ông Phạm Văn P.

3. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định. Viện kiểm sát nhân cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(2b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre ^(1b) ;
- VKSND huyện N ^(1b) ;
- Chi cục THADS huyện N ^(1b) ;
- Lưu HS, VP ^(3b) TC:8b .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PÊN TÒA**

Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa Pên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(2b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre ^(1b) ;
- VKSND huyện N ^(1b) ;
- Chi cục THADS huyện N ^(1b) ;
- Lưu HS, VP ^(3b) TC:8b .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PÊN TÒA**

Trần Thị Thu Tr

